TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2025
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Thanh Dung
2. Ông Dương Minh Ngọc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 218/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, về việc: " *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*" theo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19-8-2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Tr, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn Trung L, xã Tam Mỹ T, huyện Núi Th, tỉnh Quảng N (nay là thôn Trung L, xã Tam M, thành phố Đà N). Căn cước công dân số 0491950….; vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thuỳ Linh, sinh năm 2000; địa chỉ: Khối phố Đồng Sim, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ Nguyên B, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn Đa Phú 1, xã Tam Mỹ Đ, huyện Núi Th, tỉnh Quảng N (nay là thôn Đa Phú 1, xã Tam M, thành phố Đà N). Căn cước công dân số 04909101….; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Tr trình bày:

Bà và ông Võ Nguyên Bình tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Tam Mỹ, thành phố Đà Nẵng), hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng

thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm không còn, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Nhận thấy quan hệ hôn nhân không thể kéo dài, vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Võ Nguyên Bình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Võ Thị Thúy Nữ, sinh ngày 03/02/2014. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Bà Tr không yêu cầu ông Bình cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Nguyên Bình trình bày:* Ông và bà Tr tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Tam Mỹ, thành phố Đà Nẵng). Ông thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không hàn gắn được. Bà Tr xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Võ Thị Thúy Nữ, sinh ngày 03/02/2014, khi ly hôn ông đồng ý giao con chung là cháu Nữ cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tr. Cho ly hôn giữa bà Tr với ông Bình. Giao con chung là cháu Võ Thị Thúy Nữ cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà Tr không yêu cầu ông Bình cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: bà Tr không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt và xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn vẫn đảm bảo quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Phạm Thị Tr; cho bà Phạm Thị Tr được ly hôn với ông Võ Nguyên Bình; giao con chung là cháu Võ Thị Thúy Nữ, sinh ngày 03/02/2014 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông Bình không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phạm Thị Tr có đơn khởi kiện ly hôn đối với ông Võ Nguyên Bình. Theo Biên bản xác minh tại Công an xã Tam Mỹ ngày 22/7/2025, bị đơn ông Võ Nguyên Bình có địa chỉ thường trú tại thôn Đa Phú 1, xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn Đa Phú 1, xã Tam Mỹ, thành phố Đà Nẵng). Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin đề nghị giải quyết vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị Tr và ông Võ Nguyên Bình kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Tam Mỹ, thành phố Đà Nẵng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân này là hợp pháp. Bà Tr trình bày, trong quá trình chung sống, hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm không còn, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Theo nội dung Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Tam Mỹ ngày 01/8/2025, về quan hệ hôn nhân ông Võ Nguyên Bình và bà Phạm Thị Tr có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Mỹ Đông (nay là xã Tam Mỹ) năm 2013 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2013, quyển số 01/2013, ngày đăng ký 01/4/2013; chính quyền địa phương không rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa bà Tr và ông Bình. Tại phiên tòa, ông Bình đồng ý ly hôn với bà Tr. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà Tr và ông Bình đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà Tr được ly hôn với ông Bình là có cơ sở.

- Về con chung: Trong quá trình hôn nhân giữa bà Tr và ông Bình có 01 con chung là Võ Thị Thúy Nữ, sinh ngày 03/02/2014. Sau khi ly hôn, bà Tr có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nữ đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Bình cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét về điều kiện, hoàn cảnh, thu nhập thực tế của bà Tr, ông Bình và nhu cầu thiết yếu cho việc nuôi con chung thì thấy: Cháu Võ Thị Thúy Nữ, sinh ngày 03/02/2014, hiện trên 7 tuổi, có nguyện vọng sống với mẹ. Bà Tr đang làm việc tại Công ty TNHH Sản xuất Linh kiện nhựa THACO theo Hợp đồng lao động số 2210291/2023/HĐLĐ/TPC ngày 30/10/2023, có công việc ổn định, bảo đảm về thời gian, thu nhập và chỗ ở để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con. Tại phiên tòa, ông Bình đồng ý giao cháu Nữ cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, cần giao cháu Võ Thị Thúy Nữ, sinh ngày 03/02/2014 cho bà Phạm Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: bà Tr không yêu cầu ông Bình cấp dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 82 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Tuy nhiên, do nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; nếu sau này có yêu cầu thì sẽ được xem xét trong vụ án khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét quan điểm bảo vệ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"* của nguyên đơn bà Phạm Thị Tr với bị đơn ông Võ Nguyên Bình.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Tr được ly hôn với ông Võ Nguyên Bình.

- Về con chung: Giao cháu Võ Thị Thúy Nữ, sinh ngày 03/02/2014 cho bà Phạm Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Phạm Thị Tr phải chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007285 ngày 13 tháng 6 năm 2025.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/9/2025). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực 5 – Đà Nẵng;
- UBND xã Núi Thành;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Văn Khôi